TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 01, ấp PH, xã PH1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 10, ấp PH2, xã PH3, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị D có mặt, ông Dương Văn N vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 02/3/2023 của bà Huỳnh Thị D; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N quen biết khi ông N vô tình gây tai nạn giao thông cho bà D. Quá trình thăm hỏi thì gia đình ông N hỏi cưới bà D, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn thì bà D làm dâu tại gia đình của ông N. Quá trình làm

dâu từ tháng 03/2005 đến tháng 07/2005 thì bà D trở về nhà cha mẹ ruột chung sống, nguyên nhân là khi làm công việc nhà thì chấn thương tại vùng xương chậu do tai nạn giao thông trước đây tái phát nhưng gia đình chồng không quan tâm, chăm sóc. Bà D và ông N sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Khi về nhà cha mẹ ruột thì bà D phát hiện mình mang thai, nhưng từ thời điểm đó cho đến nay, ông N chưa từng đến thăm hỏi bà D, cũng chưa từng thăm con. Do sống ly thân đã lâu, tỉnh cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trọng H, sinh ngày 19/5/2006. Hiện con chung đang sống cùng bà D. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Dương Văn N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/3/2023 nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N, ông N cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 29/3/2023, bà D có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận đi làm.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà D giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 1075/TLKH-BS ngày 28/7/2022; bản photo Giấy khai sinh Huỳnh Trọng H, sinh ngày 19/5/2006; bản photo Căn cước công dân mang tên Huỳnh Thị D; bản photo Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Huỳnh Thị D; bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo mang tên Huỳnh Thị D; bản chính Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 02/3/2023; bản chính bản tự khai cháu Huỳnh Trọng H ngày 30/3/2023.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/3/2023; biên bản xác minh tại Công an xã PH3, huyện AP ngày 07/4/2023.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/3/2023, bà Cao Thi T cho biết: Bà là em dâu của bà Huỳnh Thị D, bà T biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông N nên bà yêu cầu Tòa án ghi nhận lời khai của bà T. Khi bà T về làm dâu tại gia đình bà D thì bà D đã sống trong nhà cùng gia đình, thời điểm đó con chị D là cháu Huỳnh Trọng H được 12 tháng tuổi. Bà T được gia đình cho biết bà D có chồng là ông Dương Văn N, nhưng chỉ sống được vài tháng thì về nhà cha mẹ ruột. Từ khi về làm dâu tại gia đình bà D thì bà T chưa từng thấy ông N đến nhà thăm con và thăm bà D.

- Theo bản tự khai ngày 30/3/2023, cháu Huỳnh Trọng H cho biết: Mẹ cháu H tên Huỳnh Thị D, cháu H sống cùng mẹ từ nhỏ cho đến nay. Cháu N chỉ biết cha tên

Dương Văn N chứ không biết mặt, vì từ khi cháu H ra đời cho đến nay ông N chưa từng đến thăm cháu H. Do đó, cháu H yêu cầu được tiếp tục chung sống với mẹ là bà Huỳnh Thị D.

- Theo biên bản xác minh ngày 07/4/2023, đại diện Công an xã PH3, huyện AP cho biết: Ông Dương Văn N, sinh năm 1978 trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Tổ 10, ấp PH2, xã PH3, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông N hiện nay bỏ đi đâu, vào thời gian nào thì không rõ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông N, về tài sản chung, nợ chung thì bà T không rõ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Dương Văn N vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, cả hai sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trọng H, sinh ngày 19/5/2006. Hiện con chung đang sống cùng bà D. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và đó cũng là nguyện vọng của cháu H muốn sống chung với bà D, ông H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông H không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Dương Văn N vắng mặt không lý do; đồng thời, ông N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông N đã tự từ bỏ quyền, N vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Dương Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 10, ấp PH2, xã PH3, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N sống ly thân nhau từ tháng 07/2005 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Khoảng thời gian sống ly thân, ông N chưa từng đến thăm hỏi bà D, cũng chưa từng thăm con chung là cháu Huỳnh Trọng H. Điều này được người làm chứng là bà Cao Thị T và cháu Huỳnh Trọng H xác nhận. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Dương Văn N đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền và N vụ của vợ chồng, cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trọng H, sinh ngày 19/5/2006. Hiện con chung đang sống cùng bà D. Xét thấy, cháu H từ khi ra đời cho đến nay chỉ chung sống với bà D, nguyện vọng của cháu H mong muốn được tiếp tục chung sống cùng bà D và bà D cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để bà D được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà D về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như N vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà D vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà D trong việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Dương Văn N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Huỳnh Thị D. Ngược lại, bà Huỳnh Thị D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Dương Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông N có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Huỳnh Thị D thuộc hộ nghèo và có đơn yêu cầu được miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; ông Dương Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà D và ông N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D được ly hôn với ông Dương Văn N.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị D được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Huỳnh Trọng H, sinh ngày 19/5/2006. Ông Dương Văn N không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Dương Văn N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Huỳnh Thị D. Ngược lại, bà Huỳnh Thị D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Dương Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Huỳnh Thị D thuộc hộ nghèo và có đơn yêu cầu được miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Ông Dương Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Huỳnh Thị D, vắng mặt ông Dương Văn N. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Dương Văn N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 29/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã PH3, huyện AP cấp cho bà Huỳnh Thị D và ông Dương Văn N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã PH3, huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân